TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 88/2019/QĐST-HNGĐ	*Thủ Đức, ngày 22 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1304/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Trần Thị H, sinh năm1979

HKTT: đường A, Tổ B, Khu phố C, phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ tạm trú: đường F, phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh

Người yêu cầu: Ông Lê Văn D, sinh năm 1978

HKTT: đường X, Tổ Y, Khu phố Z, phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ tạm trú: đường R, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14/01/2019 bà Trần Thị H và ông Lê Văn D thỏa thuận: Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn D, sinh năm1978 và bà Trần Thị H, sinh năm 1979 thuận tình ly hôn; Về con chung: Giao con chung Lê Trần Phương Q (nữ), sinh ngày 27/9/2007 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Lê Minh T (nam), sinh ngày 14/10/2014 cho ông Lê Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có; Về lệ phí: Lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Trần Thị H và ông Lê Văn D chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn D, sinh năm1978 và bà Trần Thị H, sinh năm 1979 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Lê Trần Phương Q (nữ), sinh ngày 27/9/2007 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Lê Minh T (nam), sinh ngày 14/10/2014 cho ông Lê Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con..

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

- Các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí tòa án: Bà Trần Thị H và ông Lê Văn D phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà H, ông V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0023063 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Bà H và ông D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- UBND xã Hà Lâm, huyện Hà Trung,tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Thị Thanh